

Số: /BC-BCĐCĐS

Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Kết quả triển khai thực hiện về Chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2024 và
phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024**

(Phục vụ Hội nghị sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2024
của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số)

Thực hiện Kế hoạch số 30/KH-BCĐCĐS ngày 06/02/2024 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số năm 2024 về Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh năm 2024 (sau đây gọi tắt là Ban chỉ đạo) và Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo về chuyển đổi số, Ban chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số năm 2024 như sau:

A. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

I. Công tác chỉ đạo điều hành

Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo chỉ đạo của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã chủ động, kịp thời ban hành các Văn bản để tổ chức thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

II. Kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2024

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu

TT	Nội dung chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2024	Đến tháng 6/2024
1	100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	100%	100%
2	100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn	100% văn bản điện tử	100%

TT	Nội dung chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2024	Đến tháng 6/2024
	bản mật theo quy định của pháp luật		
3	100% tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	100%	74,65%
4	60% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định	60%	30%
5	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 40% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>).	100% cấp tỉnh, 80% cấp huyện, 40% cấp xã	100% cấp tỉnh, 60% cấp huyện, 30% cấp xã
6	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	100%	100%
7	Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ của cơ quan nhà nước	90%	78,85%
8	70% CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu số và công nghệ số	70% CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số, 50% CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu số và công nghệ số	Các cơ quan, đơn vị đã xây dựng và triển khai theo kế hoạch nhằm đảm bảo hết 2024, 100% CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản và kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu số và công nghệ số
9	Thực hiện cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; năm	70%	Sở Thông tin và Truyền thông đang

TT	Nội dung chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2024	Đến tháng 6/2024
	2024 đạt 70%, mục tiêu phấn đấu tỷ lệ cơ quan nhà nước thực hiện cung cấp dữ liệu mở đến năm 2025 đạt 100%		thực hiện thủ tục đầu tư, xây dựng Cổng dữ liệu mở và phấn đấu cuối năm 2024 sẽ cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh
10	30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	30%	10%
11	Phân đầu kinh tế số chiếm 13% GRDP	13%	Chưa tính được tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực do chưa có hướng dẫn từ các Bộ, ngành liên quan
12	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 7%	7%	
13	Phân đầu tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%	100%	100%
14	Phân đầu tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.	50%	50%
15	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 90% hộ gia đình, 100% xã	> 90% hộ gia đình, 100% xã	đạt 82% hộ gia đình, 100% xã
16	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G	Đến hết năm 2024 phổ cập Internet cáp quang đạt 100% dịch vụ mạng di động 5G trên địa bàn Tp.BMT	Mạng 4G hiện nay VNPT Đắk Lắk đã triển khai tổng 813 trạm 4G; Mạng 5G Tập đoàn VNPT đang triển khai kế hoạch phát sóng mạng 5G

TT	Nội dung chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2024	Đến tháng 6/2024
			trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, dự kiến sẽ phát sóng mạng 5G trong năm 2024
17	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt trên 90%.	90%	90%
18	Phấn đấu 100% các trường học có ứng dụng công nghệ số trong công tác dạy học và hoạt động quản lý. 100% trường học, cơ sở giáo dục sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí.	100%	100%
19	Phấn đấu 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số. 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế cấp huyện triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Phấn đấu đạt trên 90% người dân tỉnh Đắk Lắk có Hồ sơ sức khỏe điện tử	100%	100%
20	100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	100%	80%
21	Phấn đấu 100% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ	100%	100%
22	100% cán bộ chuyên trách CNTT tại các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND huyện, thị xã, thành phố được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin, xử lý ứng cứu sự cố an toàn mạng.	100%	80%
23	100% CBCCVC và người lao	100%	100%

TT	Nội dung chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2024	Đến tháng 6/2024
	động của cơ quan (bao gồm cả các đơn vị, tổ chức nhà nước trực thuộc) được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.		
24	100% các cơ sở giáo dục được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn	100%	100%
25	100% trẻ em là nạn nhân bị xâm hại trên môi trường mạng được hỗ trợ, can thiệp khi có yêu cầu từ bản thân trẻ em hoặc từ người thân, cộng đồng xã hội	100%	100%

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chưa hoàn thành theo Thông báo kết luận số 25/TB-VPUBND ngày 30/01/2024 về kết luận của đồng chí Nguyễn Tuấn Hà - Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tại phiên họp tổng kết nhiệm vụ năm 2023 và triển khai nhiệm vụ năm 2024 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk

- Còn 08/53 nhiệm vụ đang thực hiện (chiếm 15,1%) theo Kế hoạch số 10/KH-BCĐCĐS ngày 19/01/2023 của Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số về hoạt động năm 2023.

Kết quả đến tháng 6/2024:

+ 01 nhiệm vụ hoàn thành.

+ 06 nhiệm vụ đang thực hiện hoàn thành trong năm 2024.

+ 01 nhiệm vụ chưa thực hiện, chờ hướng dẫn của Trung ương.

Cụ thể:

(1) Sở tài chính (01): Chỉ đạo hoàn thiện phần mềm hệ thống về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương để thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo đúng quy định. **Đã Hoàn thành.**

(2) Sở Xây dựng (01): Chỉ đạo rà soát quy hoạch xây dựng các đô thị dự kiến triển khai đô thị thông minh để bảo đảm việc triển khai đô thị thông minh có đầy đủ cơ sở pháp lý ngay từ khi lập quy hoạch. **Đang thực hiện**

Triển khai cơ sở dữ liệu ngành xây dựng Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả. ***Chưa thực hiện, đang chờ hướng dẫn của Trung ương.***

(3) Sở Khoa học và Công nghệ (01): Chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về các loại bệnh cây trồng, phục vụ việc phát hiện sớm, cảnh báo các dịch bệnh cây trồng dựa trên công nghệ trí tuệ nhân tạo, xử lý ảnh cho phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh. ***Đang triển khai thực hiện.***

(4) Sở Nội vụ (02): Phân đầu 30% nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến; xây dựng Quy chế Quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống quản lý tài liệu điện tử. ***Đang triển khai thực hiện và hoàn thành trong năm 2024.***

(5) UBND thành phố Buôn Ma Thuột (02): Thúc đẩy xây dựng đề án Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh thành phố, xây dựng thí điểm hệ thống chiếu sáng thông minh tại địa bàn thành phố; Phối hợp với Sở Xây dựng quy hoạch thành phố Buôn Ma Thuột là một đô thị thông minh tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu. ***Đang triển khai thực hiện trong năm 2024.***

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch số 30/KH-BCĐCĐS

Theo Kế hoạch số 30/KH-BCĐCĐS của Ban chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh giao cho thành viên Ban chỉ đạo tổng cộng có **66** nhiệm vụ trong năm 2024.

Kết quả đến tháng 6/2024:

- Số nhiệm vụ hoàn thành: **18/66** nhiệm vụ, đạt **27,27%**.
- Số nhiệm vụ thực hiện thường xuyên: **13/66** nhiệm vụ, chiếm **19,69%**.
- Số nhiệm vụ đang thực hiện đảm bảo tiến độ: **35/66** nhiệm vụ, chiếm **53,03%**.

(Chi tiết Phụ lục I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch số 30/KH-BCĐCĐS ngày 06/02/2024 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số).

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 203/KH-CĐS

Theo Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk có **63** nhiệm vụ trong năm 2024.

Kết quả đến tháng 6/2024:

- Số nhiệm vụ hoàn thành **10/63** nhiệm vụ, đạt **15,87%**.
- Số nhiệm vụ thực hiện thường xuyên **9/63** nhiệm vụ, chiếm **14,28%**.
- Số nhiệm vụ đang thực hiện đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch **44/63**, chiếm **69,84%**.

Cụ thể:

(1) Sở Thông tin và Truyền thông: 25 nhiệm vụ, kết quả:

+ Số nhiệm vụ thường xuyên 7/25 nhiệm vụ.

+ Số nhiệm vụ hoàn thành 3/25 nhiệm vụ.

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện 14/25 nhiệm vụ.

+ Số nhiệm vụ không thực hiện 1/25 nhiệm vụ.

(2) Sở Nông nghiệp và PTNT: 12 nhiệm vụ, kết quả:

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện 12/12 nhiệm vụ.

(3) Sở Giáo dục và Đào tạo: 11 nhiệm vụ, kết quả:

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện 11/11 nhiệm vụ;

(4) Sở Y tế: 6 nhiệm vụ, kết quả:

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện 3/6 nhiệm vụ;

+ Số nhiệm vụ hoàn thành 3/6 nhiệm vụ.

(5) Sở Giao thông vận tải: 02 nhiệm vụ, kết quả:

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện 2/2 nhiệm vụ.

(6) Sở Công thương: 02 nhiệm vụ, kết quả:

+ Số nhiệm vụ thường xuyên 2/2 nhiệm vụ.

(7) Sở Tài Nguyên và Môi trường: 4 nhiệm vụ, kết quả:

+ Số nhiệm vụ đang thực hiện 4/4 nhiệm vụ.

(8) Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch: 4 nhiệm vụ, kết quả:

+ Số nhiệm vụ đã hoàn thành 4/4 nhiệm vụ.

(Chi tiết Phụ lục II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh).

5. Về xây dựng, ban hành kế hoạch chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương

Đến nay 100% các sở, ban, ngành của tỉnh và 100% địa phương đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024, trong đó xác định cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực theo chức năng, phạm vi quản lý của các bộ, ngành, địa phương.

6. Về phát triển dữ liệu số

- Hệ thống Cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung tỉnh Đắk Lắk tại địa chỉ <https://csdl.daklak.gov.vn> cho phép quản lý CSDL tập trung của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh trên một hệ thống duy nhất. CSDL các ngành chủ trì triển khai và có tích hợp khai thác, chia sẻ dữ liệu với hệ thống CSDL dùng chung của tỉnh. Các Danh mục dữ liệu dùng chung cấp tỉnh theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh về Danh mục dữ liệu dùng chung tỉnh Đắk Lắk đã được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung:

<https://csdl.daklak.gov.vn>. Năm 2024, Sở Thông tin và Truyền thông đang thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng Cổng dữ liệu mở, khi hoàn thành sẽ kết nối với Cổng dữ liệu mở quốc gia.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức xây dựng, kết nối, tích hợp dữ liệu, cơ sở dữ liệu liên quan như sau:

+ Về Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Đắk Lắk đang vận hành, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu đất đai 15 đơn vị hành chính cấp huyện (7 đơn vị cấp huyện thực hiện Dự án VILG, 6 đơn vị đang xây dựng CSDL đất đai, 2 đơn vị đang lựa chọn Nhà thầu thi công), trong đó: 13 đơn vị hành chính cấp huyện đang vận hành phần mềm VBDLIS, 02 đơn vị (đang lựa chọn Nhà thầu thi công) đang vận hành phần mềm VILIS (khi xây dựng CSDL đất đai sẽ chuyển sang sử dụng phần mềm VBDLIS).

+ Về CSDL đất đai: Hoàn thành rà soát, chuẩn hóa dữ liệu, tích hợp CSDL đất đai của 13/15 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm: thành phố Buôn Ma Thuột, các huyện: Krông Năng, Krông Bông, Lắk, M'Đrăk, Ea Kar, Ea H'Leo, Krông Búk, Cư M'gar, Krông Pắc, Krông Ana, Buôn Đôn và Ea Súp) vận hành trên Hệ thống quản lý đất đai VBDLIS, cụ thể đã tích hợp, làm sạch: dữ liệu không gian địa chính 2.403.653 thửa đất; dữ liệu thuộc tính địa chính 1.336.917 thửa đất; số thửa kết nối không gian - thuộc tính - hồ sơ quét 661.267 thửa đất.

+ Dữ liệu về doanh nghiệp: 100% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp được thực hiện trên Hệ thống đăng ký kinh doanh quốc gia. Do đó, toàn bộ CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp được công khai trên Hệ thống (có kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan quản lý Thuế và Bảo hiểm xã hội).

+ Dữ liệu về y tế: Các dữ liệu (dữ liệu về y sĩ, bác sĩ, bệnh viện, trạm y tế, nhà thuốc, giường bệnh, trang thiết bị y tế...) hiện nay vẫn rời rạc, chưa liên thông, chia sẻ được với nhau tạo thành CSDL toàn ngành y tế.

+ Dữ liệu về giáo dục và đào tạo: 100% cơ sở giáo dục từ mầm non đến phổ thông sử dụng hệ thống CSDL ngành liên thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo cung cấp và quản trị tại địa chỉ <https://csdl.moet.gov.vn/> đảm bảo số liệu được cập nhật thường xuyên cung cấp cho việc thống kê, báo cáo.

+ Dữ liệu về nông nghiệp: Hệ thống CSDL ngành hàng thủy sản, Phần mềm quản lý ngành hàng cà phê và Phần mềm ứng dụng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới đã bước đầu số hóa dữ liệu ngành hàng cà phê và ngành hàng thủy sản. Ngoài ra, ngành Nông nghiệp đã triển khai thực hiện có hiệu quả nhiều ứng dụng chuyên ngành để phục vụ cho công tác chuyên môn, cụ thể như: Hệ thống webgis về CSDL chăn nuôi; Phần mềm cập nhật diễn biến tài nguyên rừng; Phần mềm quản lý các cơ sở nuôi động vật hoang dã; Hệ thống theo dõi cháy rừng trực tuyến của Cục Kiểm lâm; Phần mềm tra cứu thuốc bảo vệ thực vật quốc gia; CSDL quốc gia về mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói

xuất khẩu; Ứng dụng trạm khí tượng thông minh iMetos về theo dõi số liệu thời tiết thường xuyên, liên tục ở một vùng sinh thái nhất định...

+ *Dữ liệu về giao thông vận tải*: 100% hồ sơ cấp đổi Giấy phép lái xe, cấp phù hiệu vận tải được thực hiện trên Hệ thống Giấy phép lái quốc gia. Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh IOC của tỉnh thực hiện kết nối và chia sẻ dữ liệu với Hệ thống Giấy phép lái quốc gia.

+ *Dữ liệu về an sinh xã hội, lao động việc làm*: Dữ liệu về trẻ em, hộ nghèo và cận nghèo, lao động và việc làm được tạo lập, hình thành các CSDL phục vụ công tác quản lý, thực hiện cung cấp dịch vụ công cho người dân, bảo đảm an sinh xã hội. Các dữ liệu này đang được triển khai thu thập CSDL ở cấp huyện, thường xuyên cập nhật, khai thác, kết nối chia sẻ thông qua nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến; điển hình là dịch vụ liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí giữa ngành Công an và Lao động – Thương binh và Xã hội.

6. Hạ tầng số

- *Hạ tầng thiết bị CNTT*: 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính và được kết nối với mạng nội bộ (LAN).

- *Hệ thống đường truyền và kết nối*: Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh. Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đã được nâng cấp và hoạt động ổn định, là nơi tích hợp hệ thống chuyên dụng (bao gồm cả phần cứng, hệ thống phần mềm). Hệ thống với 15 máy chủ vật lý và 212 máy chủ được ảo hóa và các thiết bị lưu trữ để cài đặt các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng dùng chung của tỉnh gồm hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành,... và các hệ thống phần mềm chuyên ngành của các sở, ban, ngành.

- *Hạ tầng kỹ thuật viễn thông*: được các doanh nghiệp viễn thông thường xuyên nâng cấp, mở rộng mạng lưới, hạ tầng viễn thông và đường truyền Internet băng thông rộng đến 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (184/184 xã, phường, thị trấn có đường truyền cáp quang đến trung tâm xã) phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 09 thôn, buôn và 07 cụm dân cư¹ vùng lõm sóng di động.

¹ 09 thôn, buôn lõm sóng băng rộng di động: Thôn Ea Rót, xã Cư Pui, huyện Krông Bông; Buôn Jiê Yuk, xã Đắk Phơi, huyện Lắk; Thôn 14, xã Ea Lê, huyện Ea Súp; Buôn Dang, xã Ea H'leo, huyện Ea H'leo; Thôn 7B, xã Ea Wy, huyện Ea H'leo; Thôn 9, xã Ea Ngai, huyện Krông Búk; Thôn Cư Tê, xã Cư Pui, huyện Krông Bông; Buôn Sa Bôk, xã Ea R'Bin, huyện Lắk; Buôn Lach Ló, xã Nam Ka, huyện Lắk.

07 cụm dân cư lõm sóng băng rộng di động: Cụm dân cư số 1, buôn Briêng B, xã Ea Nam, huyện Ea H'leo; Cụm dân cư số 2, buôn Kri, xã Ea Sol, huyện Ea H'leo; Cụm dân cư số 3, thôn Cư Klông, xã Cư Klông, huyện Krông Năng; Cụm dân cư số 4, thôn 22, xã Cư Bông, huyện Ea Kar; Cụm dân cư số 5, buôn Ea Sar, xã Ea

7. Về phát triển Chính phủ số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp

- *Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành* đã được triển khai đảm bảo liên thông 4 cấp chính quyền. 100% các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn đã ứng dụng Phần mềm quản lý văn bản và điều hành của tỉnh vào công tác chỉ đạo, điều hành và gửi, nhận văn bản điện tử liên thông giữa các cơ quan trong tỉnh, liên thông với các bộ, ngành Trung ương qua trực liên thông văn bản quốc gia. Đến nay 100% các cơ quan Nhà nước các cấp của tỉnh đã thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử, tỷ lệ văn bản điện tử ký số đạt trên 96%. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh có 770.509 văn bản điện tử gửi nhận (*có 715.003 văn bản gửi nhận trong tỉnh và 55.506 văn bản trao đổi với các Bộ, ngành trung ương và các tỉnh, thành phố*). Ứng dụng chứng thư số, chữ ký số được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước của tỉnh, từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đến thời điểm hiện tại, tỉnh đã phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp phát 8.245 bộ Chứng thư số cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- *Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến* hiện có 16 điểm cầu được duy trì hoạt động ổn định, trong đó, có 01 điểm cầu trung tâm đặt tại Văn phòng UBND tỉnh; 15 điểm cầu tại UBND các huyện, thị xã, thành phố; 184 điểm cầu xã, phường, thị trấn. Trong 6 tháng đầu năm 2024 có 45 cuộc họp với Trung ương (trong đó có 2 cuộc họp chuyên tiếp xuống các điểm cầu huyện), 9 cuộc họp nội tỉnh. Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được triển khai đồng bộ.

- *Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính* được duy trì hoạt động ổn định, đến tháng 6/2024, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đắk Lắk, tại địa chỉ: <https://dichvucong.daklak.gov.vn/> cung cấp: **1.683** thủ tục hành chính. Trong đó dịch vụ công trực tuyến toàn trình: **676 (40%)**, dịch vụ công trực tuyến một phần: **753 (44,7%)**, dịch vụ công cung cấp thông tin: **254 (15,1%)**; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia; cung cấp, công khai 1.019 DVCTT một phần và toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; Thường xuyên kiểm tra, rà soát, hiệu chỉnh chức năng đồng bộ trạng thái giải quyết hồ sơ từ Cổng DVCTT của tỉnh với Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024, Hệ thống iGate đã giải quyết 384.618 hồ sơ theo cơ chế Một Cửa điện tử liên thông, tỷ lệ giải quyết đúng hạn 99,57% (382.982/384.618). Tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ công dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến có phát sinh hồ sơ (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến) của tỉnh: 565. Số lượng

Dịch vụ công trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến): 204; đạt tỷ lệ: 36,11% (204/565). Số lượng Dịch vụ công trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến): 271; Tỷ lệ DVCTT một phần có phát sinh hồ sơ: 47,96% (271/ 565); Trong đó, số dịch vụ công trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 215, đạt tỷ lệ: 79,34% (215/271). Số lượng Dịch vụ công dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến có phát sinh hồ sơ: 90; đạt tỷ lệ: 15,93% (90/565).

- Hiện nay, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã hoàn thành việc tích hợp, kết nối với 13 cơ sở dữ liệu², phần mềm chuyên ngành.

- Đã triển khai việc kết nối, tích hợp chữ ký số công cộng lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để phục vụ người dân và doanh nghiệp sử dụng chữ ký số trong việc nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo nhanh chóng, thuận tiện. Thực hiện Chương trình cải cách thủ tục hành chính, Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai Xây dựng phân hệ kho tài liệu điện tử cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức gắn liền với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để giúp người dân tái sử dụng Hồ sơ khi tham gia thực hiện Thủ tục hành chính.

- Về thanh toán trực tuyến, Cổng Dịch vụ công của tỉnh đã kết nối với nền tảng thanh toán tập trung trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia từ ngày 15/7/2020, triển khai thanh toán trực tuyến cho các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của tỉnh có phí, lệ phí. Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024 có 6.189 giao dịch thanh toán trực tuyến, với tổng số tiền hơn 25 tỷ đồng; trong đó giao dịch thành công hơn 15 tỷ đồng (so với cùng kỳ tăng 67%), không thành công gần 10,5 tỷ đồng.

8. Phát triển Kinh tế số và Xã hội số

- *Kinh tế số tỉnh* bước đầu đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh. Hàng năm, Sở TT&TT đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng, ban hành các kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử. Đến tháng 6/2024, tỉnh Đắk Lắk có 1.715 sản phẩm trên sàn thương mại điện tử; có 42.933 giao dịch trên sàn thương mại điện tử, đứng thứ 5 toàn quốc; Số hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số là 259.652 hộ, đạt 43%. Việc phát triển kinh tế số đã thay đổi hoàn toàn nhận thức, cách làm truyền thống của người

² (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (do Bộ Công an quản lý); (2) Cơ sở dữ liệu của Cổng Dịch vụ công quốc gia (do Văn phòng Chính phủ quản lý); (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý); (4) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (do Bộ Tư pháp quản lý); (5) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (do Bộ Tư pháp quản lý); (6) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (do Bộ Tài Chính quản lý); (7) Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (Hệ thống EMC, do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý); (8) Kết nối hệ thống quản lý đất đai VBDLIS; (9) Kết nối cổng dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia; (10) Kết nối hệ thống Dịch vụ công lĩnh vực Vận tải đường bộ (do Bộ Giao thông vận tải quản lý); (11) Kết nối hệ thống Dịch vụ công Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; (12) Kết nối hệ thống Dịch vụ công Bộ Tài nguyên và Môi trường. (13) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với phần mềm dịch vụ công liên thông theo hướng dẫn của Bộ Công an

dân, hộ gia đình về tiêu thụ sản phẩm trên không gian số, sàn thương mại điện tử, mở rộng không gian tiêu thụ sản phẩm từ bó hẹp trong địa bàn, trong huyện, trong tỉnh ra ngoại tỉnh, toàn quốc.

- *Phát triển công dân số*: Ứng dụng VNeID được nhiều người dân quan tâm sử dụng các dịch vụ tiện ích cung cấp trên VNeID, theo báo cáo của Công an tỉnh, tính đến ngày 29/5/2024, tổng số hồ sơ thu nhận cấp tài khoản định danh điện tử (VNeID) là 1.830.387 tài khoản; trong đó Mức 1: 331.531 tài khoản, Mức 2: 1.498.856 tài khoản; tổng số tài khoản được kích hoạt định danh điện tử 1.407.373, trong đó Mức 1: 60.314 tài khoản, Mức 2: 1.347.059 tài khoản.

- *Ngành Y tế*: tiếp tục đẩy mạnh khám chữa bệnh BHYT bằng căn cước công dân gắn chip. Tổng số cơ sở khám chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk: 224. Số lượng cơ sở khám chữa bệnh đã sử dụng Căn cước công dân để tra cứu khám chữa bệnh BHYT: 224/224 đạt tỷ lệ 100%. Tổng số lượt tra cứu thông tin thẻ BHYT bằng Căn cước công dân: 1.345.670, trong đó số lượt tra cứu thành công: 1.071.924

- *Thanh toán không dùng tiền mặt*: trên 80% người dân trưởng thành có tài khoản thanh toán tại ngân hàng. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh thực hiện chi trả chế độ an sinh xã hội không dùng tiền mặt. Thúc đẩy triển khai thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển ví điện tử, tài khoản Mobile Money: đến hết 31/5/2024 có 119,637 khách hàng sử dụng ví mobi money mạng di động VinaPhone. Các dịch vụ thanh toán chủ yếu như các dịch vụ thanh toán thiết yếu như điện, nước, giáo dục, viễn thông, hành chính công.

- Các cơ sở giáo dục đã ứng dụng phần mềm quản lý trường vào dạy và học; các trạm y tế cấp xã đã triển khai ứng dụng quản lý thông tin y tế; xây dựng hệ thống khám chữa bệnh từ xa; lập hồ sơ sức khỏe điện tử... Trên địa bàn tỉnh có 188/188 điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định. Triển khai thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt tại 14/21 các bệnh viện và TTYT tuyến huyện.

- Tiếp tục triển khai, nâng cấp phần mềm quản lý trường học trực tuyến đáp ứng quy định kỹ thuật về dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết nối trao đổi dữ liệu từ phần mềm quản lý trường học với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; tăng cường sử dụng sổ điểm, học bạ điện tử; triển khai ứng dụng CNTT kết nối, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường, khuyến khích áp dụng các giải pháp trao đổi thông tin miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục. Bên cạnh đó, Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai, tuyên truyền phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố triển khai thu học phí và các loại hình dịch vụ không dùng tiền mặt.

- Đến tháng 6/2024, có 15/15 đơn vị đã ban hành Kế hoạch triển khai hoạt động cho các Tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó: Có 1.163 tổ công nghệ số

cộng đồng tại các thôn, buôn, tổ dân phố với 7.228 thành viên. Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp đã tổ chức hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ số phục vụ cho nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, chính sách xã hội, phòng chống dịch, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các nền tảng số như: Phần mềm tập huấn giáo viên, Sổ liên lạc điện tử, Phần mềm dạy học trực tuyến; Phần mềm tiêm chủng mở rộng; Thanh toán số; Hướng dẫn đăng ký cài đặt và sử dụng các tài khoản thanh toán điện tử, mô hình chợ 4.0 thanh toán số; sử dụng các ứng dụng chuyển đổi số; tham gia sàn thương mại điện tử... Qua công tác tuyên truyền phổ biến về chuyển đổi số, người dân bước đầu đã làm quen với khái niệm chuyển đổi số, từng bước cài đặt và sử dụng các ứng dụng thông minh phục vụ công việc và cuộc sống.

- Đã triển khai giải pháp chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt trong thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng thụ hưởng bằng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, kết quả kết tháng 5 đã chi trả cho 12.624 đối tượng, đạt tỉ lệ 15% trên 84.300 đối tượng quản lý với kinh phí là hơn 11 tỷ đồng.

9. An toàn thông tin mạng

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở TT&TT đã phối hợp với Cục An toàn thông tin, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia, Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống thông tin mạng, các Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Nhằm nâng cao nhận thức, cung cấp các kỹ năng và và cái nhìn cụ thể về mối nguy hiểm của các kiểu tấn công nhắm đến người dùng không có nhận thức cao về an toàn thông tin để xâm nhập vào tổ chức đang công tác cũng như đánh cắp dữ liệu cá nhân; đồng thời, nâng cao kiến thức cần biết về sự cố thông tin, giới thiệu về các quy định cần tuân thủ khi vận hành hệ thống; Đến tháng 6/2024 có 72/72 hệ thống thông tin cấp độ 2 đã phê duyệt cấp độ an toàn (đạt tỷ lệ 100%); 06/06 hệ thống thông tin cấp độ 3 đã phê duyệt cấp độ an toàn (đạt tỷ lệ 100%).

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

Thời gian qua, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã được tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, qua đó đã đạt được một số kết quả quan trọng, tạo nền tảng để tổ chức triển khai thực hiện công cuộc chuyển đổi số của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

Nhận thức của các cấp, các ngành và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số được nâng lên rõ rệt. 15/15 huyện, thị xã, thành phố

đã kiện toàn Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số cấp huyện. Toàn tỉnh đã thành lập 1.163 tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, buôn, tổ dân phố với 7.228 thành viên, là cánh tay nối dài của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số các cấp, đóng vai trò then chốt đưa công nghệ số, kỹ năng số đến với người dân.

UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành tương đối đầy đủ hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chuyển đổi số và quan tâm bố trí kinh phí, nguồn nhân lực để thực hiện chuyển đổi số.

2. Một số tồn tại, hạn chế chính

- Một số nhiệm vụ theo Kế hoạch số 30/KH-BCĐCĐS của Ban chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh triển khai chậm so với thời hạn hoàn thành.

- Phát triển hạ tầng số tại vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn địa hình phức tạp.

- Cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ ứng dụng Chuyển đổi số tại một số sở, ngành, cấp huyện, cấp xã xuống cấp, thiếu đồng bộ, ảnh hưởng đến việc triển khai các nền tảng số phục vụ quản lý và điều hành.

- Đội ngũ nhân lực về Chuyển đổi số ở cấp huyện, cấp xã và trong các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ còn thiếu và yếu; do đó việc triển khai các nội dung về chuyển đổi số đang gặp nhiều khó khăn. Còn thiếu nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng, nhất là cho ngành CNTT.

- Kỹ năng cơ bản và nâng cao về đảm bảo an toàn thông tin của đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ công chức, doanh nghiệp và người dân còn yếu và thiếu. Chưa có chuyên gia giỏi, được đào tạo chuyên ngành an toàn thông tin làm việc trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh, hầu hết đều là cán bộ chuyên ngành tổng hợp về CNTT, không thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về an toàn thông tin mạng.

- Việc thẩm định các nhiệm vụ, dự án Chuyển đổi số tại địa phương gặp nhiều khó khăn do chưa đầy đủ định mức kinh tế - kỹ thuật, an toàn thông tin; việc phân định cơ quan thẩm định chưa rõ ràng trong quy định của Trung ương, dẫn đến tình trạng thiếu thống nhất trong thực thi tại địa phương.

- Hoạt động số hóa các ngành kinh tế chưa được quan tâm thúc đẩy.

- Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng còn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn và có thể tiếp tục diễn biến phức tạp trong giai đoạn tới, nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động phát triển kinh tế-xã hội.

B. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Các Sở, ngành, địa phương ưu tiên nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số đã đề ra trong Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của mình; đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ các nhiệm vụ theo

Kế hoạch số 30/KH-BCĐCĐS; Kế hoạch số 203/KH-UBND; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 17/6/2024 của UBND tỉnh về Nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2024, nhất là các nhiệm vụ thời hạn hoàn thành đến Quý III/2024.

2. Quán triệt tổ chức thực hiện tốt chủ đề của năm 2024 là *“Phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số – Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế số – xã hội nhanh và bền vững”*. Do đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn cần nâng cao nhận thức đối với các vấn đề liên quan đến số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số.

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án 06/CP theo Chỉ thị số 04/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo.

4. Tiếp tục tăng cường xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường điện tử đảm bảo các chỉ tiêu được giao về tỉ lệ xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên môi trường điện tử.

5. Duy trì hoạt động hiệu quả Trung tâm, Giám sát điều hành thông minh tỉnh, là nơi cung cấp số liệu trực quan, chính xác, kịp thời phục vụ sự chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh. Dịch vụ giám sát an toàn thông tin 24/7 trên hệ thống máy chủ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và Trung tâm, Giám sát điều hành đô thị thông minh; phần mềm phóng chống mã độc đến 100% máy trạm tại các các sở, ban, ngành và 15 huyện, thị xã thành phố.

6. Nâng cao việc tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện dịch công trực tuyến; phải tuyên truyền rõ lợi ích khi thực hiện TTHC trực tuyến; xác định đối tượng tuyên truyền để tạo ra sự thay đổi thực chất trong hành vi của người dân, doanh nghiệp về thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Trong đó có phát huy các Tổ công tác như: Tổ công tác Đề án 06, tổ chức đoàn thanh niên, phụ nữ, học sinh, sinh viên... Từ ngày 01/7/2024 sẽ sử dụng tài khoản VNeID mức 2 trong thực hiện TTHC. Các địa phương phối hợp với ngành Công an hướng dẫn, cung cấp tài khoản VNeID mức 2 cho người dân.

7. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp và cả hệ thống chính trị của địa phương về chuyển đổi số bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng

cụ thể, như tuyên truyền trên báo, đài, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, mạng xã hội, qua tin nhắn đến các số điện thoại di động...

8. Bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh. Bảo đảm an toàn, bảo mật trong trao đổi dữ liệu điện tử trên môi trường mạng. Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan nhà nước.

9. Đẩy mạnh thương mại điện tử, thanh toán các dịch vụ, chi trả trợ cấp xã hội, hỗ trợ an sinh xã hội không dùng tiền mặt, xác thực tài khoản ngân hàng.

10. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nghiêm khắc phê bình những cá nhân, đơn vị thực hiện không nghiêm túc, đồng thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể làm tốt công tác chuyển đổi số.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Chuyển đổi số 6 tháng đầu năm năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số báo cáo Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các phòng, TT: TH, KSTTHC, TTCN & Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

} Báo cáo

**TRƯỞNG BAN
PHÓ CHỦ TỊCH TT UBND TỈNH**

Nguyễn Tuấn Hà